

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 30 - 6 - 2020
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;

2. Bà Lê Thị Thanh Vân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2020/QĐST - HNGĐ ngày 09/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khóm Đ, phường X, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Hùng T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khóm Đ, phường X, thành phố LX, tỉnh An Giang.

(Bà C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; ông T vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 19/2/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim C và ông Huỳnh Hùng T tự nguyện kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18/01/2007. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài, hôn nhân giữa bà và ông T không còn hạnh phúc, ông bà và đã ly thân từ hơn một năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

- Về quan hệ con chung: Bà C và ông T có 02 (hai) con chung tên **Huỳnh Tấn P, sinh ngày 18/5/2007 và Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 04/11/2009**. Thời gian qua, bà C là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 (Hai) con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Huỳnh Hùng T không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà C, đồng thời cũng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Bà C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 22/4/2020 do điều kiện đi lại khó khăn nên không về dự tòa được. Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 22/4/2020 do điều kiện đi lại khó khăn nên không về dự tòa được. Ông T không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông T là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim C đối với ông Huỳnh Hùng T.

Về con chung: Do con chung của bà C và ông T là các cháu **Huỳnh Tấn P, sinh ngày 18/5/2007 và Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 04/11/2009 hiện tại** đang sống với bà C. Để đảm bảo ổn định về tinh thần, đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho cháu Đ và cháu P, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà C.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con: Do bà C không có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung; Bị đơn ông T không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Lê Thị Kim C và ông Huỳnh Hùng T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, bà C có đơn đề ngày 22/4/2020 nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Tiên.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Huỳnh Hùng T, Công an phường Đ, thành phố LX cung cấp thông tin: “Ông Huỳnh Hùng T, sinh năm 1974. Có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số Khóm Đ, phường X, thành phố LX, tỉnh An Giang. Hiện đang sinh sống tại địa phương”. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà C và ông T dựa trên cơ sở tự nguyện của đôi bên, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18/01/2007 phù hợp với Điều 39 Bộ luật sự năm 2015; Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do **ông T có người phụ nữ khác bên ngoài nên không chăm lo cho vợ con**. Nay tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà C và ông T đã kéo dài một thời gian. Từ khi ly thân, vợ chồng không thường xuyên gặp gỡ, chăm sóc lẫn nhau,

cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà C và ông T có 02 (hai) **con chung tên Huỳnh Tấn P, sinh ngày 18/5/2007 và Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 04/11/2009**. Thời gian qua, bà C là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 (Hai) con. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần cũng như đảm bảo cho việc học hành của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà C, giao con chung thừa thành niên của bà C và ông T là các cháu **Huỳnh Tấn P, sinh ngày 18/5/2007 và Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 04/11/2009** cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên do bà C không có yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà C và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn ông T cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà C phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị Kim C và bị đơn ông Huỳnh Hùng T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim C được ly hôn với ông Huỳnh Hùng T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Lê Thị Kim C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung tên **Huỳnh Tấn P, sinh ngày 18/5/2007 và Huỳnh Tấn Đ, sinh ngày 04/11/2009.**

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không có yêu cầu.

Bà C và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000825 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX. Bà C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND xã Bình Thành,
huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ./.

Nguyễn Thị Minh Trang